

Số : 1149 /TB-ĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2021

## THÔNG BÁO

### Về việc thực hiện chính sách học bổng đối với sinh viên trúng tuyển năm 2021

Căn cứ Nghị định số 81/2021-NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ, quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ các hướng dẫn, quy định về việc thực hiện các chế độ, chính sách cho sinh viên đang học tại các trường công lập;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ và tình hình thực tiễn tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh nhằm thực hiện công tác hỗ trợ người học từ năm 2020, Hội đồng Trường và Ban Giám hiệu Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh thông báo các thủ tục thực hiện chính sách học bổng của nhà trường dành cho sinh viên trúng tuyển năm như sau:

#### A. Các đối tượng và mức học bổng

##### I. Đối tượng được cấp học bổng tương đương 100% học phí:

Sinh viên thuộc một trong ba đối tượng sau:

1. Sinh viên thuộc đối tượng được miễn 100% học phí theo quy định của pháp luật hiện hành (Nghị định số 81/2021-NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ), sau đây gọi tắt là Nghị định 81.

2. Sinh viên là thủ khoa đầu vào của từng ngành (có tổng điểm 03 môn thi THPT cao nhất) năm 2021 của nhà trường. Trong trường hợp đồng điểm thì nhà trường sẽ xét ưu tiên sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

3. Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn xếp loại theo phụ lục 4 (có minh chứng kèm theo bao gồm các minh chứng về hoàn cảnh gia đình: sổ hộ nghèo, hộ cận nghèo, giấy xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hình ảnh về nhà/ gia đình sinh viên đang sinh sống,... và thành tích cá nhân).

## **II. Đối tượng được cấp học bổng tương đương 75% học phí:**

Sinh viên thuộc một trong hai đối tượng sau:

1. Sinh viên thuộc đối tượng được giảm 70% học phí theo quy định của pháp luật hiện hành (Nghị định 81).

2. Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn xếp loại theo phụ lục 4 (có minh chứng kèm theo bao gồm các minh chứng về hoàn cảnh gia đình: sổ hộ nghèo, hộ cận nghèo, giấy xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hình ảnh về nhà/ gia đình sinh viên đang sinh sống,... và thành tích cá nhân).

## **III. Đối tượng được cấp học bổng tương đương 50% học phí:**

Sinh viên thuộc một trong hai đối tượng sau:

1. Sinh viên thuộc đối tượng được giảm 50% học phí theo quy định của pháp luật hiện hành (Nghị định 81).

2. Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn xếp loại theo phụ lục 4 (có minh chứng kèm theo bao gồm các minh chứng về hoàn cảnh gia đình: sổ hộ nghèo, hộ cận nghèo, giấy xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hình ảnh về nhà/ gia đình sinh viên đang sinh sống,... và thành tích cá nhân).

## **IV. Đối tượng được cấp học bổng tương đương 25% học phí:**

Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn xếp loại theo phụ lục 4 (có minh chứng kèm theo bao gồm các minh chứng về hoàn cảnh gia đình: sổ hộ nghèo, hộ cận nghèo, giấy xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hình ảnh về nhà/ gia đình sinh viên đang sinh sống,... và thành tích cá nhân).

## V. Số lượng học bổng dự toán chi

STT	Ngành học	Chi tiêu tuyển năm 2021	Số suất Cấp toàn phần 100% học phí	Số suất Cấp 75% học phí	Số suất Cấp 50% học phí	Số suất Cấp 25% học phí	Tổng số suất
1	<b>Y</b>	400	11	17	25	100	<b>153</b>
2	<b>DUQC</b>	560	15	22	36	140	<b>213</b>
3	<b>RHM</b>	120	2	7	12	25	<b>45</b>
4	<b>CNPHR</b>	40	1	3	5	10	<b>18</b>
5	<b>YHCT</b>	190	5	10	15	36	<b>66</b>
6	<b>BSYHDP</b>	120	3	7	10	24	<b>44</b>
7	<b>CNYTCC, CNDD</b>	170	5	8	15	30	<b>58</b>
8	<b>ĐD-KTYH</b>	765	21	26	46	160	<b>253</b>
	<b>Tổng</b>	<b>2365</b>	<b>63</b>	<b>100</b>	<b>164</b>	<b>525</b>	<b>850</b>

Tổng kinh phí dự kiến chi cấp học bổng: khoảng **17.170.250.000** đồng, sẽ căn cứ theo số đăng ký nhập học thực tế năm học 2021-2022 (theo mức 15% thu học phí khoá 2021).

Từ năm thứ 2 trở đi, thực hiện theo quyết định 1497/QĐ-ĐHYD ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về chính sách học bổng cho sinh viên Đại học chính quy tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

### B. Thủ tục, hồ sơ:

- Sinh viên làm hồ sơ xin học bổng và nộp cho Phòng Công tác Sinh viên vào thời điểm nộp hồ sơ nhập học. Sinh viên có nghĩa vụ bổ sung hồ sơ (nếu có) trong vòng 15 ngày kể từ khi được Nhà trường yêu cầu nộp bổ sung để làm rõ về hoàn cảnh gia đình, thành tích cá nhân.
- Sinh viên là thủ khoa (cấp Trường, cấp Ngành) của kỳ tuyển sinh sẽ được Nhà trường liên hệ hướng dẫn các thủ tục.
- Trong trường hợp cần thiết Nhà trường sẽ xác minh thông tin hoàn cảnh của sinh viên trước khi ra quyết định cấp học bổng.
- Hội đồng xét, cấp học bổng của Nhà trường sẽ xem xét hồ sơ và ra quyết định cấp học bổng.
- Danh sách sinh viên được trao học bổng sẽ được cấp từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, trường hợp đặc biệt, đột xuất sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

**- Hồ sơ xin học bổng bao gồm:**

- + Đơn xin học bổng;
- + Giấy báo nhập học (bản photo không cần công chứng);
- + Hộ khẩu thường trú (bản photo không cần công chứng);
- + Bản sao Giấy khai sinh (nếu là người dân tộc thiểu số);
- + Sổ Hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương;
- + Giấy vay vốn ngân hàng (bản photo, nếu có);
- + Hình ảnh nhà ở mà bản thân và gia đình đang sinh sống (nếu có);
- + Giấy chứng tử của ba, mẹ (nếu mồ côi ba, mẹ);
- + Giấy khen thành tích từ cấp tỉnh trở lên, tính trong 3 năm học cấp 3;

**Lưu ý:** Tất cả các sinh viên đều phải làm đơn xin học bổng kể cả sinh viên thuộc diện gia đình chính sách theo Nghị định 81 và các quy định khác. Đối với sinh viên thuộc diện gia đình chính sách theo Nghị định 81 và các quy định liên quan cần chuẩn bị thêm hồ sơ theo phụ lục 1,2,3 đính kèm.

**Thông tin liên hệ:**

Phòng Công tác sinh viên (lầu 1, Tòa nhà 15 tầng, 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5), số điện thoại: 02838.537976 hoặc email: [ctsv@ump.edu.vn](mailto:ctsv@ump.edu.vn).

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Các Khoa, Phòng, đơn vị;
- Tân sinh viên khoá 2021;
- Lưu: VT, P. CTSV\_ML.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Hoàng Bắc**

## PHỤ LỤC 1

### **DANH MỤC HỒ SƠ DÀNH CHO SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG THUỘC DIỆN THEO QUY ĐỊNH CỦA NGHỊ ĐỊNH 81**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 1149./TB-DHYD ngày 30 tháng 9 năm 2021 của  
Hiệu trưởng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh)*

<b>ĐỐI TƯỢNG MIỄN HỌC PHÍ</b>	<b>DANH MỤC HỒ SƠ</b>
<b>Đối tượng 1:</b>  Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng	01 đơn xin miễn, giảm học phí (mẫu số 02); 01 bản sao giấy khai sinh (bản sao có công chứng); 01 giấy xác nhận đối tượng do cơ quan quản lý đối tượng người có công hoặc UBND xã xác nhận.
<b>Đối tượng 2:</b>  Sinh viên khuyết tật	01 đơn đề nghị miễn, giảm học phí (mẫu số 02); 01 giấy xác nhận khuyết tật do UBND Xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp huyện đối với sinh viên khuyết tật;
<b>Đối tượng 3:</b>  Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021	01 đơn đề nghị miễn, giảm học phí (mẫu số 02); 01 quyết định trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp Huyện đối với sinh viên không có nguồn nuôi dưỡng.
<b>Đối tượng 4:</b>  Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	01 đơn đề nghị miễn, giảm học phí (mẫu số 02); 01 bản sao giấy Khai sinh (bản sao có công chứng); 01 giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo do UBND Xã cấp.
<b>Đối tượng 5:</b>  Sinh viên người dân tộc thiểu số <b>rất ít người</b> quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định	01 đơn đề nghị miễn, giảm học phí (mẫu số 02); 01 Giấy khai sinh (bản sao có công chứng);

số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 thuộc vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền	01 hộ khẩu thường trú (bản sao có công chứng).
<b>ĐỐI TƯỢNG GIẢM 70% HỌC PHÍ</b>	<b>DANH MỤC HỒ SƠ</b>
<b>Đối tượng 6:</b>  Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	01 đơn đề nghị miễn, giảm học phí (mẫu số 02); 01 Giấy khai sinh (bản sao có công chứng); 01 hộ khẩu thường trú (bản sao có công chứng).
<b>ĐỐI TƯỢNG GIẢM 50% HỌC PHÍ</b>	<b>DANH MỤC HỒ SƠ</b>
<b>Đối tượng 7:</b>  Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	01 đơn đề nghị miễn, giảm học phí (mẫu số 02); 01 bản sao có công chứng sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức Bảo hiểm Xã hội cấp.

## PHỤ LỤC 2

### CÁC VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH DANH MỤC VÙNG, ĐỊA BÀN CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ-XÃ HỘI KHÓ KHĂN VÀ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

(Ban hành kèm theo Thông báo số 1149/TB-ĐHYD ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh)

(Các nghị định, quy định đính kèm theo Phụ lục)

1. Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015;
2. Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016;
3. Quyết định số 582/QĐ-UBDT ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135 và Quyết định số 130/QĐ-UBDT ngày 08 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt bổ sung thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.
4. Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh Mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn;
5. Các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung huyện Nậm Nhùn tỉnh Lai Châu, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên vào danh Mục các huyện nghèo được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.
6. Các địa bàn có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại Phụ lục II ban hành theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư.

Các quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về danh sách các xã đặc biệt khó khăn, thông đặc biệt khó khăn (nếu có).

### PHỤ LỤC 3

#### DANH SÁCH CÁC DÂN TỘC RẤT ÍT NGƯỜI

(Ban hành kèm theo Thông báo số 1149/TB-ĐHYD ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh)

Theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mầm non, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

16 dân tộc thiểu số có số dân dưới 10.000 người (dân tộc thiểu số rất ít người): Cóng, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bố Y, La Ha, Ngái, Chứt (Sách), O Đu, B râu, Rơ Măm, Lô Lô, Pà Thèn, La Hủ.

## PHỤ LỤC 4

### THANG ĐIỂM CẤP XÉT HỌC BỔNG DÀNH CHO SINH VIÊN

#### THUỘC DIỆN CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 1149/TB-ĐHYD ngày 30 tháng 9 năm 2021 của  
Hiệu trưởng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh)*

HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN (Tối đa 40 điểm)		ĐIỂM THI ĐẦU VÀO (Tối đa 20 điểm)		THUỘC VÙNG KHÓ KHĂN (Tối đa 15 điểm)		GIA CẢNH (Tối đa 10 điểm)		DÂN TỘC THIỀU SỐ (Tối đa 10 điểm)		THÀNH TÍCH ĐẶC BIỆT (Tối đa 5 điểm)	
(1)		(2)		(3)		(4)		(5)		(6)	
Đối tượng	Điểm	Số điểm	Điểm	Đối tượng	Điểm	Đối tượng	Điểm	Đối tượng	Điểm	Thành tích	Điểm
Hộ nghèo	40	>29	20	Xã đặc biệt khó khăn	15	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	10	Dân tộc thiểu số rất ít người	10	Tham gia các cuộc thi cấp Quốc tế	5
		28-29	19			Mắc bệnh hiểm nghèo hoặc tàn tật, khuyết tật				Đạt giải cấp Quốc gia (giải I, II, III theo thứ tự)	
Hộ cận nghèo	30	27-28	18	Xã khó khăn	10	Mồ côi cha hoặc mẹ	5	Dân tộc thiểu số	5	Đạt giải cấp Quốc gia (giải I, II, III theo thứ tự)	5
		26-27	17			Cha, mẹ bị tai nạn lao động				Đạt giải cấp Quốc gia (giải I, II, III theo thứ tự)	4
		25-26	16							Đạt giải cấp Quốc gia (giải I, II, III theo thứ tự)	3
Có hoàn cảnh khó khăn	20	24-25	15	Xã khó khăn	10		5	Dân tộc thiểu số	5	Được nhận Bằng khen, Giấy khen cấp tỉnh	3
		23-24	14								
		22-23	13								
		< 22	12								

Tổng: 100 điểm